

Số: 123/QĐ-BVTV-KH

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định lĩnh vực thử nghiệm
(lần 2)**

CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định 108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017 của Chính phủ về quản lý phân bón;

Căn cứ Biên bản đánh giá chỉ định ngày 10 tháng 11 năm 2018 của Trung tâm phân tích và thử nghiệm 2 thuộc Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định lần 2 đối với lĩnh vực thử nghiệm phân bón của Trung tâm phân tích và thử nghiệm 2 thuộc Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ: Lô U18 A, Đường 22 khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; Điện thoại

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 27 tháng 12 năm 2020.

Điều 3. Trung tâm phân tích và thử nghiệm 2 có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

Điều 4. Trung tâm phân tích và thử nghiệm 2 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Vụ KHCN & MT;
- Trung tâm tin học và thống kê Bộ NN (đăng website Bộ NN&PTNT);
- Phòng QLPB (để phối hợp);
- Phòng HTQT&TT (đăng website Cục BVTV);
- Lưu VT, KH.



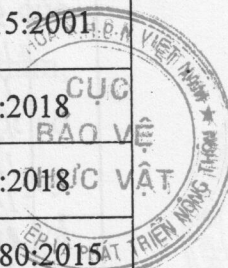
CỤC TRƯỞNG

Hoàng Trung

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC PHƯƠNG PHÁP THỬ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 123/QĐ-BVTV-KH ngày 15 tháng 01 năm 2019
của Cục Bảo vệ thực vật)

Stt	Tên chỉ tiêu thử nghiệm	Đối tượng phương pháp thử	Phạm vi đo /LOQ	Phương pháp thử được chỉ định
1.	Xác định Độ ẩm	Phân supe phosphat đơn	Khoảng đo ≥ 0.2%	TCVN 4440:2004
2.	Xác định hàm lượng Nito tổng số	Phân Urê	Khoảng đo ≥ 0.3%	TCVN 2620:2014
3.	Xác định hàm lượng Nitrat	Các loại phân bón	Khoảng đo ≥ 0.2%	TCVN 10682:2015
4.	Xác định hàm lượng P ₂ O ₅ hữu hiệu	Phân supe phosphat đơn	Khoảng đo ≥ 0.3%	TCVN 4440:2004
5.	Xác định hàm lượng K ₂ O hòa tan	Phân bón hỗn hợp NPK	Khoảng đo ≥ 0.4%	TCVN 5815:2001
6.	Xác định hàm lượng Ca*	Các loại phân bón	LOQ: 45 mg/kg	TCVN 9284:2018
7.	Xác định hàm lượng Mg*	Các loại phân bón	LOQ: 45 mg/kg	TCVN 9285:2018
8.	Xác định hàm lượng Bo	Phân bón vi lượng	LOQ: 30 mg/kg	TCVN 10680:2015 (tan trong nước)
9.		Các loại phân bón	LOQ: 30 mg/kg	TCVN 10679:2015 (tan trong axit)
10.	pH _{H2O}	Phân bón dạng rắn	-	TCVN 5979:2007
11.	Xác định hàm lượng Fe*	Các loại phân bón	LOQ: 45 mg/kg	TCVN 9283:2018
12.	Xác định hàm lượng Mo	Các loại phân bón	LOQ: 30 mg/kg	TCVN 9283:2018
13.	Xác định hàm lượng Cu*	Các loại phân bón	LOQ: 45 mg/kg	TCVN 9286:2018
14.	Xác định hàm lượng Pb*	Các loại phân bón	LOQ: 0.6 mg/kg	TCVN 9290:2018
15.	Xác định hàm lượng Cd*	Các loại phân bón	LOQ: 0.1 mg/kg	TCVN 9291:2018 (phương pháp nhiệt điện)
16.	Xác định hàm lượng Co	Các loại phân bón	LOQ: 15 mg/kg	TCVN 9287:2018
17.	Xác định hàm lượng Cr	Các loại phân bón	LOQ: 15 mg/kg	TCVN 10674:2015
18.	Xác định hàm lượng Ni	Các loại phân bón	LOQ: 15 mg/kg	TCVN 10675:2015



Thg

19.	Xác định hàm lượng Hg	Các loại phân bón	LOQ: 0.6 mg/kg	TCVN 10676:2015
20.	Vi sinh vật phân giải Xenlulo (nhóm vi khuẩn kỵ khí)	Các loại phân bón	100 CFU/g	TCVN 6168:2002
21.	Xác định hàm lượng Acid amin tổng số	Các loại phân bón	Khoảng đo ≥ 45 mg/kg	PP11.2-HPLC-TT2 Ref. TCVN 8764:2012 Ref.AOAC 999.13
22.	Xác định hàm lượng Acid amin 17 chất: 1. Aspartic acid 2. Threonin 3. Alanine 4. Glutamic acid 5. Proline 6. Methionin 7. Lysine 8. Tryptophan 9. Glycine 10. Serin 11. Valine 12. Iso-Leucine 13. Leucine 14. Tyrosin 15. Phenylalanin 16. Histidin 17. Arginine	Các loại phân bón	Khoảng đo ≥ 45 mg/kg/chất	PP11.2-HPLC-TT2 Ref. TCVN 8764:2012 Ref.AOAC 999.13
23.	Xác định hàm lượng Vitamin B1 (Thiamin)	Các loại phân bón	LOQ: 6 mg/kg	PP 6.1.1 HPLC-TT2
24.	Xác định hàm lượng Vitamin B2 (Riboflavin)	Các loại phân bón	LOQ: 45 mg/kg	PP 6.1.1 HPLC-TT2
25.	Xác định hàm lượng Vitamin B3 (Niacin)	Các loại phân bón	LOQ: 15 mg/kg	PP 6.1.1 HPLC-TT2
26.	Xác định hàm lượng Vitamin B6 (Pyridoxin)	Các loại phân bón	LOQ: 30 mg/kg	PP 6.1.1 HPLC-TT2
27.	Xác định hàm lượng Vitamin B5 (Calcium pantothenat)	Các loại phân bón	LOQ: 6 mg/kg	PP 6.1.3 HPLC-TT2
28.	Xác định hàm lượng Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	Các loại phân bón	LOQ: 30 mg/kg	PP 6.1.4 HPLC-TT2
29.	Xác định hàm lượng Vitamin C (Ascorbic acid)	Các loại phân bón	LOQ: 6 mg/kg	PP 6.1.5 HPLC-TT2

Ghi chú: * Các chỉ tiêu có thay đổi số hiệu phương pháp thử so với chỉ định lần đầu tại Quyết định số 3283/QĐ-BVTV-KH ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Cục Bảo vệ thực vật